

Đơn vị: Sở Dân tộc và Tôn giáo Khánh
Chương: 483

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 64/QĐ-SDTTG ngày 09/7/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Dân tộc và Tôn giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.288.260.956	2.561.849.393	15%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.288.260.956	2.561.849.393	15%	
1	Chi quản lý hành chính (341)	16.937.689.226	2.364.921.386	14%	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	9.079.831.919	2.288.840.627	25%	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	7.857.857.307	76.080.759	1%	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	54.450.123			
3.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
3.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	54.450.123			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	75.226.280	49.150.000	65%	
5.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
5.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	75.226.280	49.150.000		
6	Chi hoạt động kinh tế	86.698.810	40.000.809	46%	
6.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
6.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	86.698.810	40.000.809	46%	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
7.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	134.196.517	107.777.198	80%	
8.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
8.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	134.196.517	107.777.198	80%	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				